

Số: /QĐ-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐTr ngày 24/01/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non”; Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo”;

Căn cứ kết luận tại cuộc họp ngày 12/5/2025 của Hội đồng tuyển sinh năm 2025 được thành lập theo Quyết định số 417/QĐ-ĐHTN ngày 13/3/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học của trường Đại học Tây Nguyên.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2025. Các quy định tuyển sinh đại học trước đây trái với Quy chế này bị bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch Hội đồng Trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Các Khoa;
- Phòng Thanh tra pháp chế, Công tác sinh viên;
- Trung tâm thông tin và thư viện (đăng Website);
- Lưu VT, ĐT (Hi. 03b).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

QUY CHẾ

Tuyển sinh trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ – ĐHTN ngày tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học cho các hình thức đào tạo.
2. Quy chế này áp dụng đối với Trường Đại học Tây Nguyên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành, nhóm ngành và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.
2. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo của trường Đại học Tây Nguyên, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung hoặc đăng ký xét tuyển theo quy định của trường Đại học Tây Nguyên.
3. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại trường Đại học Tây Nguyên để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo, ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường Đại học Tây Nguyên xác định.
4. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển. Việc xử lý nguyện vọng được thực hiện trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (trong đợt xét tuyển chung) hoặc xử lý riêng tại trường Đại học Tây Nguyên (xét tuyển đợt bổ sung, xét tuyển vừa làm vừa học ...).
5. Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.
6. Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo quy định của Quy chế này và đã đáp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét tới ngưỡng

đầu vào.

7. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

8. Điểm trúng tuyển (của một nhóm ngành, một ngành, một chương trình đào tạo) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

9. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

10. Kỳ thi năng khiếu là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh để lấy kết quả làm một căn cứ, một tiêu chí phục vụ xét tuyển.

11. Thi trực tiếp là hình thức tổ chức thi có người coi thi và chấm thi trực tiếp; thí sinh thực hiện bài thi trước cán bộ coi thi và chấm thi.

12. Thi trực tuyến là hình thức tổ chức thi có người coi thi, chấm thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh thực hiện bài thi thông qua thiết bị có kết nối mạng ngay trong thời gian thi.

13. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

14. Cổng thông tin tuyển sinh (của Bộ GDĐT) là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

15. Mã trường trong tuyển sinh của trường Đại học Tây Nguyên là TTN.

16. Mã xét tuyển là một mã quy ước thống nhất trong trường Đại học Tây Nguyên dùng để định danh một chương trình, ngành đào tạo có chỉ tiêu tuyển sinh riêng.

17. Quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do trường Đại học Tây Nguyên quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo tương ứng.

Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường Đại học Tây Nguyên tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

3. Phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

Điều 4. Những nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a, Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b, Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c, Về đánh giá năng lực: Thí sinh được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;

d, Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

đ, Về thực hiện cam kết: Trường Đại học Tây Nguyên cam kết thực hiện tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng với các cơ sở đào tạo khác

a, Về hợp tác: Hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b, Về cạnh tranh: Cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a, Về minh bạch thông tin: Trường Đại học Tây Nguyên công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b, Về trách nhiệm giải trình: Trường Đại học Tây Nguyên có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân trong công tác tuyển sinh.

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển, bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo có thể áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường Đại học Tây Nguyên quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Trường Đại học Tây Nguyên thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh trình độ Đại học của trường Đại học Tây Nguyên là xét tuyển, áp dụng chung cho tất cả các chương trình đào tạo, ngành đào tạo; Riêng đối với các ngành có sử dụng kết quả thi năng khiếu để xét tuyển, trường Đại học Tây Nguyên tổ chức kỳ thi năng khiếu cho các thí sinh này để lấy kết quả phục vụ cho xét tuyển (tổ chức thi năng khiếu trước đợt xét tuyển chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trong trường hợp không xét tuyển đủ chỉ tiêu có thể tổ chức các đợt thi bổ sung dành cho thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào các ngành này trong các đợt xét tuyển bổ sung).

2. Phương thức xét tuyển:

a, Phương thức xét tuyển chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Mã PTXT	Tên phương thức xét tuyển
1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT
2	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
3	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)
4	302	Xét kết hợp giữa tuyển thẳng theo Đề án và các phương thức khác
5	303	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT
6	401	Thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do CSĐT tự tổ chức để xét tuyển

TT	Mã PTXT	Tên phương thức xét tuyển
7	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển
8	403	Thi văn hóa do CSĐT tổ chức để xét tuyển
9	404	Sử dụng kết quả thi văn hóa do CSĐT khác tổ chức để xét tuyển
10	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển
11	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển
12	407	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển
13	408	Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển
14	409	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển
15	410	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển
16	411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài
17	412	Xét tuyển qua phỏng vấn
18	413	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với phỏng vấn để xét tuyển
19	414	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với phỏng vấn để xét tuyển
20	500	Sử dụng phương thức khác

b, Phương thức xét tuyển của trường Đại học Tây Nguyên

Căn cứ phương thức xét tuyển chuẩn theo quy định tại điểm a, khoản 2 điều này; Hội đồng tuyển sinh xác định phương thức xét tuyển sử dụng trong công tác tuyển sinh hàng năm cho phù hợp, đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Các tiêu chí chủ yếu dùng để đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo;

+ Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30);

+ Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.

3. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi theo từng môn (điểm tổng kết các môn học cấp THPT, điểm thi các môn tốt nghiệp THPT và các kết quả đánh giá khác):

a) Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo, trong đó phải có môn toán hoặc ngữ văn với trọng số tính điểm xét

không dưới 25%; từ năm 2026 số môn chung của các tổ hợp phải đóng góp ít nhất 50% trọng số tính điểm xét;

b) Từ năm 2026, Trường Đại học Tây Nguyên quy đổi chứng chỉ Ngoại ngữ thành điểm môn Tiếng Anh để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển như sau:

- Chỉ chấp nhận các chứng chỉ Tiếng Anh được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông; Điểm quy đổi của thí sinh được xác định như sau:

STT	Chứng chỉ tiếng Anh đạt yêu cầu	Đơn vị cấp chứng chỉ	Quy đổi	
			Mức điểm	Điểm quy đổi
1	IELTS	British Council (BC); International Development Program (IDP)	4	6
			4.5	7
			5	8
			5.5	9
			≥ 6	10

- Điểm quy đổi môn tiếng Anh chỉ áp dụng cho phương thức có sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển, không áp dụng đối với các phương thức xét tuyển khác.

- Trong trường hợp thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh, đồng thời có chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện quy đổi, điểm môn tiếng Anh được xác định là điểm cao nhất của thí sinh giữa điểm thi THPT và điểm quy đổi.

c) Trường hợp sử dụng kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển thì phải dùng kết quả học tập cả năm lớp 12 của thí sinh với trọng số tính điểm xét không dưới 25%.

4. Đối với một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc tổ hợp xét tuyển:

a. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển:

- Trường Đại học Tây Nguyên chọn phương thức xét tuyển có sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT làm phương thức gốc để xây dựng quy tắc quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển.

- Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển được xây dựng theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đảm bảo tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng tốt nhất yêu cầu của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo;

- Quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển: Điểm trúng tuyển là bằng nhau giữa các tổ hợp trong cùng một ngành và một phương thức xét tuyển.

- Quy tắc quy đổi tương đương được hội đồng tuyển sinh xác định và công bố cùng với Thông tin tuyển sinh hàng năm theo quy định.

b. Không quy định mã xét tuyển riêng, chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển đối với chương trình, ngành đào tạo tương ứng (trong cùng một hình thức đào tạo), trừ việc quy định chỉ tiêu xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

5. Trường Đại học Tây Nguyên chịu trách nhiệm giải trình về căn cứ khoa học và thực tiễn trong xác định phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ và quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (mục 1, Phụ lục I)

a. Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

b. Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng.

c. Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo

khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ.

d. Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (mục 2, Phụ lục I)

a. Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b. Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c. Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = \frac{30 - \text{Tổng điểm đạt được}}{7,5} \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 điều này}$$

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển

1. Đối tượng xét tuyển thẳng

1.1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành tuyển sinh trình độ đại học của Trường.

1.2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong như sau:

a. Thí sinh đạt một trong các thành tích sau được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 1.2 của Điều này:

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

b. Danh mục các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải:

TT	Môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải	Tên ngành đào tạo
1	Toán, các đề tài liên quan đến lĩnh vực Toán học	Sư phạm Toán học
2	Vật lí, các đề tài liên quan đến lĩnh vực Vật lí	Sư phạm Vật lí
		Sư phạm Khoa học tự nhiên
3	Hóa học, các đề tài liên quan đến lĩnh vực Hóa học	Sư phạm Hóa học
		Sư phạm Khoa học tự nhiên
		Công nghệ thực phẩm
4	Sinh học, các đề tài liên quan đến lĩnh vực Sinh học	Sư phạm Sinh học
		Sư phạm Khoa học tự nhiên
		Công nghệ sinh học
		Y khoa
		Điều dưỡng
		Kỹ thuật xét nghiệm y học
		Khoa học cây trồng
		Chăn nuôi
		Thú y
		Lâm sinh
5	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn
		Văn học
6	Tin học, các đề tài liên quan đến lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
7	Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh

TT	Môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải	Tên ngành đào tạo
		Ngôn ngữ Anh
8	Giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận	Giáo dục mầm non
9	Tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á	Giáo dục thể chất
10	Kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế về lĩnh vực công nghệ thông tin do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi	Công nghệ thông tin

1.3. Căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo, Hiệu trưởng xem xét quyết định nhận vào học những trường hợp sau đây (trong trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a. Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b. Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c. Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d. Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cách xét tuyển thẳng

Xét theo thứ tự của đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 1 của điều này, kết quả các kỳ thi/cuộc thi, điểm trung bình cả năm lớp 12; xét theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp đến khi hết chỉ tiêu.

3. Ưu tiên xét tuyển

3.1. Thí sinh dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng được cộng điểm ưu tiên xét tuyển đối với các trường hợp sau:

a, Thí sinh đủ điều kiện theo quy định tại Mục 1.1, 1.2 Khoản 1 của điều này được dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (nếu không sử dụng quyền ưu tiên tuyển thẳng).

b, Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải theo quy định tại điểm b, khoản 1.2 của Điều này; Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

c, Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng tại các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia được dự tuyển vào ngành Giáo dục thể chất. Thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

d, Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được dự tuyển vào Giáo dục mầm non. Thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

3.2. Điểm cộng ưu tiên xét tuyển

TT	Nhóm đối tượng	Loại giải /huy chương (nếu có)	Điểm cộng
1	Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc		1,50
2	Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển	Nhất	1,50
		Nhì	1,25
		Ba	1,00
3	Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển	Khuyến khích/Giải tư	0,75
4	Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển	Vàng	1,50
		Bạc	1,25
		Đồng	1,00

4. Trường Đại học Tây Nguyên quy định cụ thể và công bố trong thông tin tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, ngành, chương trình đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

1. Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề do Bộ GDĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

2. Đối với tuyển sinh đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề khi:

a. Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b. Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Giáo dục thể chất Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

3. Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế khi đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

4. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

a. Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

b. Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Giáo dục Thể chất, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;

- Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

6. Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, không áp dụng ngưỡng đầu vào.

7. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường Đại học Tây Nguyên xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày. Đối với ngưỡng đầu vào ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, ngưỡng đầu vào không được thấp hơn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều này.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

- a. Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;
- b. Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 điều này phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường Đại học Tây Nguyên; Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả trúng tuyển không quá 3 năm kể từ ngày nhập học theo thông báo trong giấy báo trúng tuyển.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường Đại học Tây Nguyên, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Trường Đại học Tây Nguyên xây dựng, công bố và thực hiện thông tin tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

- a. Thí sinh lựa chọn trường, ngành, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của cơ sở đào tạo;

b. Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường Đại học Tây Nguyên trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh bao gồm:

a. Thông tin giới thiệu về Trường Đại học Tây Nguyên, các ngành và chương trình đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỉ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp (Phụ lục II);

b. Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c. Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d. Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường Đại học Tây Nguyên.

3. Trường Đại học Tây Nguyên thông báo tuyển sinh kèm theo công bố thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày. Riêng đối với quy tắc quy đổi tương đương, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

Điều 12. Hội đồng tuyển sinh

1. Thành viên Hội đồng tuyển sinh

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, thành phần hội đồng tuyển sinh gồm có:

- Chủ tịch hội đồng tuyển sinh: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền;
- Phó chủ tịch hội đồng tuyển sinh: Phó Hiệu trưởng
- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Đào tạo.

- Ủy viên: Trưởng hoặc Phó trưởng phòng, Trưởng hoặc Phó trưởng khoa có liên quan đến công tác tuyển sinh; Cán bộ tuyển sinh, Cán bộ công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) có đăng ký xét tuyển vào trường Đại học Tây Nguyên không được tham gia hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng tuyển sinh trong năm có người thân đăng ký xét tuyển.

2. Nhiệm vụ và Quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

a. Nhiệm vụ chung của Hội đồng tuyển sinh

- Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;
- Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;
- Tổng kết công tác tuyển sinh; đề xuất khen thưởng, kỷ luật theo quy định;
- Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm.

b. Nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng tuyển sinh

- Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- Thành lập Ban Thư ký và các Ban chuyên môn để giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh trong việc thực hiện công tác tuyển sinh; Trưởng các Ban chuyên môn phải là thành viên Hội đồng tuyển sinh.

c. Nhiệm vụ của Phó chủ tịch hội đồng tuyển sinh

Phó Chủ tịch hội đồng tuyển sinh thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch hội đồng tuyển sinh phân công và thay mặt Chủ tịch hội đồng tuyển sinh giải quyết công việc khi Chủ tịch hội đồng tuyển sinh uỷ quyền.

Điều 13. Ban thư ký hội đồng tuyển sinh và các ban chuyên môn

1. Thành phần ban thư ký hội đồng tuyển sinh

- a. Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm;
- b. Các ủy viên: Một số cán bộ Phòng Đào tạo, khoa, phòng liên quan và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của ban thư ký hội đồng tuyển sinh

- a. Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm, cách thức đăng ký dự thi, xét tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;
- b. Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tất cả các thông tin của trường theo quy định;

c. Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

d. Lập danh sách thí sinh trúng tuyển và thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học;

đ. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

3. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban chuyên môn

a. Các Ban chuyên môn gồm: Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban làm Phách, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo. Đối với Ban đề thi, Trưởng ban do lãnh đạo trường đảm trách, lãnh đạo đơn vị chuyên trách thực hiện chức năng, nhiệm vụ tổ chức thi là ủy viên thường trực.

b. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn được quy định tại các Quy chế thi của Trường.

Chương II

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 14. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

Căn cứ kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Tây Nguyên xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm theo quy định.

Điều 15. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường Đại học Tây Nguyên thông báo cho thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển (bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp).

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sẽ được đưa lên hệ thống xử lý nguyện vọng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xử lý cùng với các phương thức xét tuyển khác.

3. Thí sinh đã trúng tuyển theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT để lựa chọn chương trình, ngành, nhóm ngành đã trúng tuyển thẳng hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trường Đại học Tây Nguyên không yêu cầu thí sinh cam kết nhập học hoặc xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

Điều 16. Đăng ký xét tuyển

1. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển thẳng) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

2. Thí sinh dự tuyển các đợt xét tuyển bổ sung, thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo vừa làm vừa thực hiện đăng ký tại trường Đại học Tây Nguyên theo thông báo (thông qua đăng ký trực tuyến hoặc trực tiếp).

3. Thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường Đại học Tây Nguyên thể hiện nguyện vọng của mình thông qua thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất); Thí sinh được phép lựa chọn chương trình, ngành đào tạo (mã xét tuyển) để đăng ký xét tuyển.

Điều 17. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Trường Đại học Tây Nguyên tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng; Phối hợp theo nhóm để xử lý nguyện vọng theo hướng dẫn, lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung, Trường Đại học Tây Nguyên tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT, kết quả kì thi tốt nghiệp THPT, điểm xét tốt nghiệp THPT, kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a. Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b. Đối với một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đối tượng đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Trường Đại học Tây Nguyên có thể sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng (để xét chọn những thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn);

d. Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Điều 18. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành, chương trình đào tạo, hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường Đại học Tây Nguyên công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức

đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường Đại học Tây Nguyên công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Chương IV

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

Điều 19. Tổ chức đăng ký và xét tuyển đào tạo vừa làm vừa học

1. Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh và Thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường Đại học Tây Nguyên thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký nộp hồ sơ dự tuyển (theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến).

2. Tùy tình hình tuyển sinh thực tế, có thể tuyển sinh nhiều đợt trong năm và thông báo cụ thể trên trang thông tin điện tử của trường.

Điều 20. Cách xét tuyển

1. Cách tính điểm xét tuyển

a) Tuyển sinh đại học

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (hoặc kết quả các môn văn hóa THPT) của thí sinh, điểm xét tuyển (ĐXT) được tính theo công thức sau:

ĐXT = A + Điểm ưu tiên, trong đó:

A = Điểm trung bình năm lớp 12 (điểm trung bình cộng các môn văn hóa THPT trong chương trình học trung cấp) x 3

b) Tuyển sinh liên thông

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học, điểm xét tuyển (ĐXT) được tính theo công thức sau:

ĐXT = B + Điểm ưu tiên, trong đó:

B = Điểm trung bình chung toàn khóa (hoặc điểm trung bình xếp loại tốt nghiệp) x 3.

Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số phân thập phân.

2. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh sẽ xét trúng tuyển theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp đến khi hết chỉ tiêu.

Điều 21. Cách tính điểm xét tuyển trong một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp thí sinh chỉ có điểm theo thang điểm 4

Trong một số trường hợp, thí sinh dự tuyển liên thông, văn bằng 2 chỉ có kết quả học tập theo thang điểm 4, khi đó điểm xét tuyển (ĐXT) sẽ được tính như sau:

$$\text{ĐXT} = D4 \times 2,5 \times 3 + \text{Điểm ưu tiên, trong đó:}$$

D4: Là điểm trung bình chung toàn khóa hoặc điểm xếp loại tốt nghiệp tính theo thang điểm 4.

2. Trường hợp thí sinh chỉ có điểm trung bình các năm học, các học kỳ

Đối với những thí sinh dự tuyển liên thông mà kết quả học tập chỉ ghi điểm trung bình các năm học, các học kỳ, không có điểm tổng kết toàn khóa học, khi đó ĐXT được tính như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm xếp loại tốt nghiệp quy đổi} \times 3 + \text{Điểm ưu tiên, trong đó:}$$

Điểm xếp loại tốt nghiệp quy đổi (ĐXLTNQĐ): Là điểm quy đổi từ xếp loại tốt nghiệp của thí sinh theo bảng sau:

Xếp loại tốt nghiệp	Trung bình	Trung bình khá	Khá	Giỏi	Xuất sắc
ĐXLTNQĐ	5,0	6,5	7,0	8,0	9,0

THÔNG BÁO KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN VÀ TỔ CHỨC NHẬP HỌC**Điều 22. Thông báo kết quả trúng tuyển và xác nhận nhập học**

1. Trường Đại học Tây Nguyên gửi giấy báo nhập học cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và cách thức nhập học của thí sinh.

2. Đối với xét tuyển đợt 1 hệ chính quy, thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi nhập học.

3. Đối với những thí sinh theo quy định tại khoản 2 điều này, không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

- Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường Đại học Tây Nguyên có quyền không tiếp nhận;

- Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường Đại học Tây Nguyên sẽ xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

- Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường Đại học Tây Nguyên chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

4. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại một cơ sở đào tạo khác không được tham gia xét tuyển ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được Hội đồng tuyển sinh cho phép.

Điều 23. Tổ chức nhập học

1. Căn cứ kế hoạch xét tuyển, Hiệu trưởng thành lập ban tiếp đón sinh viên; xây dựng kế hoạch, quy trình, phân công cán bộ, đảm bảo thuận lợi cho sinh viên nhập học và thực hiện đúng các quy định hiện hành.

2. Thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và thực hiện thủ tục nhập học theo hướng dẫn của Trường khi đến nhập học.

3. Cán bộ tiếp đón sinh viên phải kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh theo hướng dẫn nhập học.

4. Thí sinh nhập học muộn quá 15 ngày kể từ ngày bắt đầu nhập học mà không có lý do chính đáng, coi như tự ý bỏ học.

5. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN**Điều 24. Trách nhiệm của thí sinh**

- Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;
- Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;
- Đồng ý để trường Đại học Tây Nguyên được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;
- Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh đúng thời hạn theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của Trường Đại học Tây Nguyên

- Tổ chức tuyển sinh theo thông tin tuyển sinh và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội và toàn bộ công tác tuyển sinh của cơ sở đào tạo;
- Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;
- Quy định mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;
- Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh;
- Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;
- Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;
- Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của trường Đại học Tây Nguyên theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong thông tin tuyển sinh; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công

tác tuyển sinh của theo quy định của của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định của pháp luật có liên quan.

- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Điều 26. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

Căn cứ kết quả thực hiện công tác tuyển sinh, HĐTS đề xuất khen thưởng:

- Cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

2. Xử lý vi phạm

- Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

- Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

- Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

Điều 27. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 180/QĐ-ĐHTN ngày 09/02/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên về việc “Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của trường Đại học Tây Nguyên”.

Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản mới có liên quan hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân gửi góp ý bằng văn bản về phòng Đào tạo để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.

Phụ lục I

PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH VÀ ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học của trường Đại học Tây Nguyên được ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên).

1. Phân chia khu vực tuyển sinh

Mã khu vực	Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
1	Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
2NT	Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
2	Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
3	Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Đối tượng chính sách ưu tiên

Mã đối tượng	Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
a. Nhóm ưu tiên 1		
01	01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03a	03	Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh.
03b		Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1.
03c		Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên.
03d		Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.

Mã đối tượng	Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
04a	04	Thân nhân liệt sĩ.
04b		Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.
04c		Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên.
04d		Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.
04đ		Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
b. Nhóm ưu tiên 2		
05a	05	Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;
05b		Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác;
05c		Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06a	06	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;
06b		Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;
06c		Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07a	07	Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;
07b		Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
07c		Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên;
07d		Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

Phụ lục II

THÔNG TIN TUYỂN SINH

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học của trường Đại học Tây Nguyên được ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM

(Hình thức đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: **TTN**
3. Địa chỉ các trụ sở
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển
2. Mô tả phương thức tuyển sinh
3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.						- Phương thức 1 (Tổ hợp...) - Phương thức 2... - Phương thức 3...	
2.							
3.							

...							

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển
- b. Điểm cộng
- c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)
- d. Các thông tin khác...

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm ... (Ví dụ: 2024 nếu tuyển sinh năm 2025)			Năm ... (Ví dụ: 2023 nếu tuyển sinh năm 2025)			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.												
2.												
3.												
...												

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

..., ngày..... tháng năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ